

# Những cơ hội và thách thức

## **BỐI VỚI CÁC NƯỚC GMS TRONG BỐI CẢNH MỚI CỦA LIÊN KẾT KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG Á**

---

**TS. NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG**

*Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới*

---

### **1. Bối cảnh mới của liên kết kinh tế khu vực Đông Á**

Đối với các nước Đông Á, năm 2007 đã kết thúc với một số sự kiện đáng ghi nhớ. Đó là kỷ niệm 15 năm phát triển quan hệ đối thoại Trung Quốc - ASEAN và 40 năm Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Những sự kiện này được diễn ra trong bối cảnh Trung Quốc đang tích cực triển khai chiến lược hoà bình, ngày càng chủ động vươn lên đóng vai trò lớn hơn trong khu vực và thế giới, trong khi đó, ASEAN đang tích cực xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2020, tăng cường hợp tác và mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm khẳng định vai trò quan trọng của mình trong khu vực.

Nhìn lại 15 năm qua, quan hệ Trung Quốc - ASEAN đã có những tiến bộ vượt bậc - khởi động năm 1991, được phát triển thành quan hệ đối thoại đầy đủ năm 1996, thông qua Tuyên bố chung về

Quan hệ đối tác chiến lược vì hoà bình và thịnh vượng và tham gia Hiệp ước Bali tại Hội nghị cấp cao ASEAN - Trung Quốc năm 2002 tổ chức tại Indônêxia, ký kết Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện để tiến tới thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc với thị trường gần 2 tỷ dân và GDP trên 2.500 tỷ USD vào năm 2010 đối với ASEAN - 6 và Trung Quốc và năm 2015 đối với ASEAN- 4. Đây chính là cơ sở cho sự phát triển quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai bên, đặc biệt là những năm gần đây. Kim ngạch thương mại hai chiều ASEAN-Trung Quốc năm 2005 đã tăng 23% so với năm 2004 và hiện đạt khoảng 130 tỷ USD. ASEAN đã trở thành thị trường nhập khẩu lớn thứ 4 và thị trường xuất khẩu lớn thứ 5 của Trung Quốc. ASEAN đang là địa điểm hấp dẫn đối với các nhà đầu tư Trung Quốc. Chỉ

tính riêng năm 2004, dòng vốn FDI của Trung Quốc vào ASEAN tăng gần 300% và chiếm tới trên 10% tổng FDI của nước này ra nước ngoài. ASEAN cũng đang gia tăng đầu tư vào Trung Quốc, chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp. Ngoài ra, hai bên còn tăng cường hợp tác phát triển lưu vực sông Mê Kông trong các khung khổ của Hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, như Hợp tác Phát triển lưu vực sông Mê Kông ASEAN (AMBDC), Ủy ban sông Mê Kông (MRC).

Với những thành tựu đáng kể nói trên, trên cơ sở tiềm năng phát triển quan hệ song phương còn rất lớn, tại Hội nghị cấp cao thường niên lần thứ 9 ASEAN - Trung Quốc (tháng 12-2005) tại Kuala Lumpur, Malayxia, các nhà lãnh đạo hai bên đã quyết định mở rộng từ 5 lên 10 lĩnh vực hợp tác ưu tiên. Năm lĩnh vực mới là năng lượng, giao thông vận tải, văn hoá, y tế và du lịch<sup>1</sup>. Ngoài ra, Chính phủ Trung Quốc đã quyết định cho các doanh nghiệp nước này được vay ưu đãi 5 tỷ USD (so với 3 tỷ USD trong 5 năm trước đó) để hỗ trợ các doanh nghiệp Trung Quốc mở rộng đầu tư vào các nước ASEAN. Cũng trong năm 2005, tại Hội nghị cấp cao lần thứ 2 GMS, Quảng Tây của Trung Quốc đã chính thức tham gia hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng. Với vị trí kết nối Trung Quốc với ASEAN cả trên biển và trên lục địa, sự tham gia của Quảng Tây vào GMS tạo điều kiện cho sự phát triển quan hệ hợp tác của Trung Quốc với toàn bộ khu vực Đông Nam Á.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển miền Tây, Chính phủ Trung

Quốc đã đưa ra và thực hiện nhiều sáng kiến khác nhau nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác với các nước GMS và ASEAN. Hai trong số các sáng kiến đó là chiến lược phát triển “hai hành lang, một vành đai” để mở rộng quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam và xây dựng “một trục hai cánh” để thúc đẩy quan hệ giữa Trung Quốc và ASEAN.

Chiến lược phát triển “hai hành lang, một vành đai” do Việt Nam khởi xướng năm 2004 và được Chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc hưởng ứng tích cực. Cả hai bên đều hy vọng khi chiến lược này được thực hiện, trao đổi thương mại giữa hai bên sẽ cân bằng hơn, bởi lẽ hiện tại Việt Nam đang bị nhập siêu rất lớn từ Trung Quốc sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong khu vực sẽ tạo điều kiện cho việc phát triển khu vực dịch vụ, như vận tải, hậu cần, tài chính, ngân hàng; phân công lao động trong khu vực sẽ trở nên hiệu quả hơn, từ đó, tạo thêm công ăn việc làm và góp phần xoá đói, giảm nghèo. Không chỉ có vậy, cả hai nước Trung Quốc và Việt Nam hy vọng chiến lược “hai hành lang, một vành đai” còn là một cơ chế để tăng cường hợp tác giữa Trung Quốc và toàn bộ Đông Nam Á. Với tinh thần đó, chính quyền các địa phương trong khu vực “hai hành lang, một vành đai” đã và đang rất cố gắng nắm bắt cơ hội này để phát triển kinh tế của địa phương. Và họ đã đạt được những kết quả nhất định.

Sau khi tham gia vào hợp tác GMS, trên đà phát triển ngoạn mục của quan hệ thương mại và đầu tư ASEAN - Trung Quốc trong những năm gần đây,

năm 2006, Chính phủ Trung Quốc với đại diện là chính quyền tỉnh Quảng Tây đã đề xuất xây dựng chiến lược phát triển “một trục hai cánh” nhằm tạo nên một cục diện mới cho hợp tác song phương. Theo đó, một trục là hành lang kinh tế Nam Ninh - Singapore, liên kết 7 nước là Nam Ninh (Trung Quốc), Việt Nam, Lào, Thái Lan, Campuchia, Malayxia và Singapore; hai cánh là khu vực kinh tế xuyên vịnh Bắc Bộ và Tiểu vùng sông Mê Kông. Đây còn được gọi là chiến lược hợp tác ASEAN - Trung Quốc mô hình chữ M<sup>2</sup>. Ý tưởng này phù hợp với mức độ và phạm vi của quan hệ hợp tác ASEAN - Trung Quốc, với chiến lược hướng Nam trong chính sách kinh tế đối ngoại của Trung Quốc, với những thay đổi trong chính sách của ASEAN đối với Trung Quốc. Các nhà nghiên cứu Trung Quốc cho rằng do kế thừa được những thành quả của các chương trình hợp tác khu vực trước đó nên tính khả thi của chiến lược “một trục hai cánh” là khá cao. Có thể kể đến một số thành quả chính từ các hoạt động của ASEAN và GMSL: như mạng lưới cơ sở hạ tầng được cải thiện đáng kể với tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, Bắc - Nam, phía Nam; tuyến đường sắt xuyên Á, cơ sở hạ tầng mềm đang dần được cải thiện; hợp tác GMS đang được tăng cường trên các lĩnh vực; chương trình ưu tiên; ASEAN đã có sự nhìn nhận mới về Trung Quốc - coi sự phát triển của Trung Quốc là một cơ hội chứ không phải là mối đe dọa đối với sự phát triển kinh tế của ASEAN và quan hệ song phương ASEAN - Trung Quốc đang có nhiều tiềm năng phát triển.

Năm 2007 có hai sự kiện quan trọng gắn liền với hoạt động hợp tác ASEAN - Trung Quốc là 15 năm phát triển quan hệ song phương và 40 năm thành lập ASEAN. Nhân dịp này, cả hai bên đối tác đều thể hiện quyết tâm thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương, vì sự phát triển kinh tế của mỗi nước thành viên, vì hoà bình và ổn định trong khu vực và đặc biệt để xây dựng điểm tăng trưởng Trung Quốc - ASEAN trong nền kinh tế thế giới.

Quan điểm thúc đẩy quan hệ với ASEAN của Trung Quốc được thể hiện khá rõ nét thông qua những hoạt động chính của nước này, đặc biệt của hai tỉnh Quảng Tây và Vân Nam, đã được đề cập đến ở trên. Còn về phía ASEAN, trong thời gian qua, đã có những thay đổi cơ bản trong chính sách đối với Trung Quốc. Chính sách của ASEAN đối với Trung Quốc được thể hiện trên ba cấp độ - cấp toàn khối như là một chỉnh thể thống nhất, cấp tiểu khu vực gồm nhóm các nước GMS và nhóm các nước Đông Nam Á hải đảo<sup>3</sup> và cấp quốc gia. Với tư cách là một khối thống nhất, ASEAN đang theo đuổi chiến lược tiếp xúc toàn diện với Trung Quốc nhằm tạo thế cân bằng nước lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy quan hệ kinh tế song phương để phát triển kinh tế các nước thành viên nhằm thu được lợi ích lớn nhất từ quá trình này. Các nhà lãnh đạo ASEAN luôn đánh giá rất cao việc Trung Quốc ủng hộ tiến trình nhất thể hoá ASEAN và điều đó rất quan trọng đối với quá trình phát triển quan hệ hợp tác giữa hai bên trong tương lai. Việc tăng cường liên kết kinh tế với Trung Quốc

không chỉ giúp các nước thành viên ASEAN phát triển kinh tế, mà còn tác động tích cực tới quá trình hội nhập kinh tế khu vực của cả nhóm, với mục tiêu chính là xây dựng Cộng đồng ASEAN. Ở cấp tiểu khu vực, hợp tác của ASEAN với Trung Quốc thông qua cơ chế hợp tác GMS được thể hiện rõ rệt và có tác động tích cực hơn so với nhóm các nước Đông Nam Á hải đảo. Ở cấp quốc gia, có sự khác nhau nhất định trong chính sách của các nước ASEAN về quan hệ với Trung Quốc, trong đó những nước láng giềng gần gũi hơn với Trung Quốc như Việt Nam, Lào, Myanmar, Thái Lan có mối quan hệ phát triển và thân thiện hơn so với một số nước còn lại.

Trong bối cảnh trên, có thể nhận thấy rằng hợp tác GMS đang và tiếp tục giữ vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động liên kết kinh tế khu vực ở Đông Á. Nó không chỉ giữ vai trò là cầu nối trong quá trình liên kết ASEAN với Trung Quốc, mà còn là một bộ phận không thể tách rời của quá trình này. Tăng cường tham gia liên kết kinh tế khu vực không chỉ mang lại cho các nước GMS những cơ hội phát triển, mà cả những thách thức cần phải đối mặt.

## **2. Những cơ hội và thách thức đối với các nước GMS**

### **♦ Những cơ hội**

*Thứ nhất, các nước, kể cả thành viên ASEAN và Trung Quốc, đều có cơ hội tăng cường hợp tác kinh tế toàn diện ở mọi cấp độ - khu vực, tiểu khu vực, quốc gia và cấp tỉnh.* Cho đến nay, quá trình hợp tác kinh tế trong khu vực Đông Á luôn được thực hiện ở các cấp độ khác

nhau và các kết quả đạt được là rất thuyết phục. Trong tương lai, khi chiến lược “hai hành lang, một vành đai”, chiến lược “một trục hai cánh”, rồi Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc và Cộng đồng ASEAN được thực hiện, các nước, đặc biệt là các địa phương liên quan, sẽ có nhiều cơ hội để hợp tác phát triển, cùng nhau khai thác hiệu quả hơn các nguồn lực, tạo thành các mạng lưới sản xuất khu vực để xuất khẩu ra thế giới.

*Thứ hai, cơ hội phát triển thương mại và đầu tư nội vùng.* Đây là cơ hội mà bất cứ chương trình hợp tác kinh tế khu vực nào cũng có thể có được. Thực tế, sau khi ký Hiệp định khung về hợp tác toàn diện ASEAN - Trung Quốc năm 2002, kim ngạch trao đổi thương mại hai chiều giữa hai đối tác này đã tăng mạnh. Trong đó, có nước đạt được sự gia tăng đột biến như Philippin trong trao đổi thương mại với Trung Quốc. Các nhà đầu tư ASEAN có nhiều cơ hội gia tăng đầu tư tại Trung Quốc, trước hết là ở miền Tây. Ngược lại, Trung Quốc cũng có nhiều cơ hội để đầu tư và hợp tác sản xuất với các nước ASEAN, trước hết là những nước gần gũi về địa lý như Lào, Việt Nam, Myanmar. Khi thực hiện chiến lược phát triển “hai hành lang, một vành đai”, kim ngạch thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Trung Quốc được cải thiện đáng kể, quan hệ hợp tác giữa các tỉnh biên giới của Việt Nam như Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Ninh... với các tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của Trung Quốc được gia tăng, cả về mức độ và lĩnh vực hợp tác. Trong phạm vi GMS, trao đổi thương mại và đầu tư

giữa Trung Quốc với Myanmar, Lào và Thái Lan được gia tăng, tạo đà mới cho tăng trưởng kinh tế của mỗi nước.

*Thứ ba, cơ hội nâng cao hiệu quả khai thác nguồn lực, đặc biệt là nguồn nước của sông Mê Kông.* Cho đến nay, cơ chế chính trong hợp tác GMS liên quan đến việc khai thác nguồn nước trên sông Mê Kông là Ủy hội Mê Kông (MRC), mà hai nước thượng nguồn là Trung Quốc và Myanmar chưa phải là thành viên. Với chiến lược tầm quốc gia phát triển hướng Nam của Trung Quốc, với những động thái tích cực tăng cường liên kết kinh tế khu vực của Trung Quốc gần đây, đặc biệt là với sự quan tâm của chính phủ đối với vấn đề bảo vệ môi trường và tăng trưởng bền vững, hy vọng nước này sẽ tiếp tục có những hoạt động tích cực trong việc phối hợp khai thác hiệu quả nguồn nước của sông Mê Kông và giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực đối với các nước vùng hạ lưu.

*Thứ tư, góp phần đảm bảo ổn định khu vực.* Việc mở rộng giao lưu, tăng cường hợp tác giữa các nước GMS với Trung Quốc và giữa các địa phương của các nước liên quan góp phần nâng cao sự hiểu biết lẫn nhau, tạo điều kiện giải quyết những xung đột về lợi ích thông qua đối thoại, hợp tác. Từ đó, ổn định chính trị trong khu vực được đảm bảo.

*Thứ năm, hướng tới sự thịnh vượng chung của toàn khu vực.* Mục tiêu cuối cùng của hợp tác kinh tế là tăng trưởng kinh tế của mỗi địa phương trong các nước tham gia, của mỗi quốc gia và của toàn khu vực. Mục tiêu này được Chính

phủ Trung Quốc thể hiện thông qua quan điểm về xây dựng điểm tăng trưởng mới Trung Quốc - ASEAN trong nền kinh tế thế giới.

#### ♦ Những thách thức

*Thứ nhất, liên quan đến việc gia tăng tính kết nối.* Theo quan điểm của hợp tác GMS, tính kết nối (connectivity) là một trong 3C quan trọng mà các nước thành viên đang theo đuổi. Cho đến nay, những trục giao thông chính, huyết mạch trong toàn khu đã được xây dựng và đưa vào khai thác, như tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, Bắc - Nam, hai tuyến hành lang phía Nam và các tuyến giao thông quốc gia nối các thành phố lớn dọc theo các tuyến hành lang. Vấn đề hiện nay là ở chỗ tính kết nối giữa các địa phương trên tuyến hành lang với nhau và với các địa phương lân cận còn nhiều bất cập. Khả năng cấp tài chính của các quốc gia thành viên GMS cho việc cải thiện cơ sở hạ tầng quốc gia và địa phương là rất hạn chế.

*Thứ hai, liên quan đến việc gia tăng cạnh tranh từ phía Trung Quốc.* Sự cạnh tranh có thể gia tăng cả dưới góc độ sản phẩm và doanh nghiệp. Hàng hoá nổi tiếng trên thế giới về giá cả cạnh tranh của Trung Quốc sẽ có cơ hội thâm nhập lớn hơn vào thị trường các nước GMS. Các nhà đầu tư trong nước của các nước GMS sẽ phải cạnh tranh với các nhà đầu tư Trung Quốc, và cả các nước khác, trên thị trường nội địa. Có thể nói, đây không phải là nguy cơ riêng của các nước GMS trong quan hệ với Trung Quốc, mà còn,

của nhiều nước khác trên thế giới khi mở rộng quan hệ thương mại và đầu tư với cường quốc này. Tuy nhiên, đối mặt với nó lại có thể có được những cơ hội mới.

*Thứ ba, liên quan đến việc phát triển nguồn nhân lực.* Sau 15 năm tăng cường hợp tác để phát triển, các nước GMS đã đạt được tiến bộ nhất định trong phát triển nguồn nhân lực, nhờ những cải cách, bước đi và biện pháp chính sách phù hợp trong phạm vi quốc gia và thực hiện Chương trình phát triển nguồn nhân lực trong phạm vi GMS. Song bên cạnh đó, còn một số tồn tại cần được giải quyết mới hy vọng đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực, cả về chất lượng và số lượng, cho quá trình hợp tác khu vực và quốc tế. Những tồn tại đó là: 1) Sự chênh lệch khá rõ rệt giữa các nước thành viên GMS về thực trạng phát triển nguồn nhân lực, do sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa họ tạo nên; 2) Sự phụ thuộc quá lớn trong cải cách phát triển nguồn nhân lực của nhóm các nước chậm phát triển hơn (cụ thể là Lào và Campuchia) vào tài trợ từ bên ngoài; 3) Việc tài trợ thông qua dự án, mà phạm vi áp dụng các dự án chưa được đủ rộng, nên tác động lan toả của chúng còn bị hạn chế; 4) Sự chênh lệch về khả năng tiếp cận, về chất lượng dịch vụ, về chính sách hỗ trợ của Chính phủ đối với các nhóm dân cư, các vùng, các nước trong khu vực đang còn tồn tại và cần được giải quyết.

*Thứ tư, liên quan đến bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.* Việc cùng sử dụng nguồn tài nguyên nước của sông

Mê Kông đòi hỏi các nước GMS cần phải có sự phối hợp chặt chẽ với nhau và phải tính đến lợi ích của tất cả các nước liên quan. Nguồn tài nguyên này, cũng như nhiều tài nguyên thiên nhiên khác trong khu vực cần phải được sử dụng một cách bền vững cho phát triển kinh tế. Trong bối cảnh các quy định điều tiết hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên trong hợp tác GMS còn nhiều bất cập, hiệu quả của các cơ chế hợp tác chưa cao, việc các nước, đặc biệt là Trung Quốc và Lào đã lập kế hoạch cho nhiều dự án thủy điện lớn để khai thác nguồn nước của sông Mê Kông đang đặt các nước trước một thách thức lớn tạo nên từ tác động môi trường của các dự án đó.

*Thứ năm, liên quan đến hoạt động thuận lợi hoá thương mại và đầu tư.* Thủ tục liên quan đến việc vận chuyển qua biên giới còn nhiều bất cập và tiến độ cải cách còn chậm. Đây là một thách thức rất cụ thể. Thế nhưng, để giải quyết vấn đề này đòi hỏi sự phối hợp của nhiều bộ, ngành liên quan và phải có thời gian chuẩn bị các nguồn lực cần thiết, nhất là nguồn nhân lực, và đặc biệt phải có các giải pháp để hạn chế các tác động xã hội tiêu cực có thể nảy sinh và phát triển từ việc khai thác hành lang giao thông.

*Thứ sáu, liên quan đến năng lực quản lý, đặc biệt của chính quyền địa phương.*

*Thứ bảy, liên quan đến việc ngăn chặn và khắc phục các tác động tiêu cực của quá trình liên kết kinh tế khu vực.* Nghèo đói là một thách thức không nhỏ đối với các nước GMS. Tuy tỷ lệ này đang có xu hướng giảm mạnh trong

những năm gần đây ở nhiều nước trong khu vực, song ở Lào, Myanmar, nó vẫn chiếm khoảng 1/3 dân số. Thực tế này tạo nên sức ép lớn đối với Chính phủ và các cơ quan liên quan trong quá trình hội nhập.



### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đỗ Tiến Sâm (2007), *Hợp tác Trung Quốc - ASEAN và tác động của nó đến tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 6(76), tr. 35-40.
2. Đỗ Tiến Sâm (2007), *Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc và việc xây dựng "hai hành lang, một vành đai kinh tế"*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 3(73), tr. 35-38.
3. Trần Đình Thiên (2007), *Chương trình "hai hành lang, một vành đai" Những điểm thắt nút cần được giải tỏa*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 1(71), tr. 52-56.
4. Cổ Tiểu Tùng (2007), *Xây dựng "một trục hai cánh" - Cục diện mới trong hợp tác khu vực Trung Quốc - ASEAN*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 1(71), tr. 57-70.
5. Chu Chấn Minh (2007), *Hợp tác kinh tế Trung Quốc - ASEAN và Vân Nam với "hai hành lang, một vành đai"*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 3(73), tr. 39-45.
6. Bùi Tất Thắng (2007), *Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ - Thực trạng, vấn đề và giải pháp*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 1(71), tr. 34-43.
7. Nông Lập Phu (2007), *Vai trò có thể phát huy của Quảng Tây trong xây dựng hành lang kinh tế Nam Ninh - Hà Nội - Hải Phòng*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 3(73), tr. 46-55.
8. Đan Đức Hiệp (2007), *Vai trò của thành phố Hải Phòng trong chiến lược phát triển "hai hành lang một vành đai"*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 1(71), tr. 44-51.
9. Cheng Li, *Trung Quốc năm 2020 - Ba kịch bản chính trị* (2007), Nghiên cứu Trung Quốc, số 1(71), tr. 38-47.
10. *Quan hệ và chính sách của ASEAN đối với Trung Quốc - Hiện trạng và tương lai*, Tài liệu tham khảo chủ nhật, ngày 12-8-2007, TTXVN.
11. Nguyễn Hồng Nhung, *Chính sách phát triển nguồn nhân lực ở một số nước GMS - Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, báo cáo đề tài nghiên cứu năm 2007, Thư viện Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới.
12. TTXVN, *Bản Tin Kinh tế Quốc tế*, các số năm 2007

---

### **CHÚ THÍCH:**

<sup>1</sup> Năm lĩnh vực hợp tác cũ là nông nghiệp, công nghệ thông tin, đầu tư hai chiều, phát triển nguồn nhân lực và phát triển lưu vực sông Mê Kông

<sup>2</sup> Chiến lược hợp tác mô hình chữ M được lấy theo phiên âm tiếng Anh của 3 nhánh hợp tác chính của nó là Mainland economic cooperation, Marine economic cooperation and Mekong subregion cooperation.

<sup>3</sup> Nhóm Đông Nam Á hải đảo bao gồm Brunây, Philippin, Indônêxia, Malayxia và Singapo.